

Số: /QĐ-UBND *Quảng Nam, ngày tháng năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng
vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030; Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt cập nhật, điều chỉnh bổ sung một số nội dung Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030 và Quyết

định số 3090/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030;

Theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang về việc thông qua Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030;

Thực hiện Thông báo số 959-TB/TU ngày 17/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 13/12/2024;

Xét đề nghị của UBND huyện Nam Giang tại Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 25/12/2024 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang, giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo giải trình ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kèm theo Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 25/12/2024; Báo cáo tổng hợp, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định tỉnh về đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030 kèm theo Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 02/10/2024; Báo cáo tổng hợp, giải trình ý kiến các Sở, Ban, Ngành tham gia góp ý Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030 kèm theo Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 19/6/2024;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 160/TTr-SXD ngày 30/12/2024 kèm theo Kết quả thẩm định số 11/ThĐ-SXD ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang, giai đoạn đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính huyện Nam Giang; có ranh giới:

+ Phía Bắc: giáp huyện Tây Giang, Đông Giang;

+ Phía Tây: giáp huyện Đắk Chung, tỉnh Sê Kông, nước CHDCND Lào;

+ Phía Nam: giáp huyện Phước Sơn;

+ Phía Đông: giáp huyện Nông Sơn, Đại Lộc.

- Tổng diện tích đất tự nhiên: khoảng 184.659,56 ha, với 12 đơn vị hành chính (11 xã và thị trấn Thanh Mỹ).

2. Tính chất

Là khu vực phát triển thương mại dịch vụ, kinh tế biên mậu gắn với cửa khẩu quốc tế Nam Giang; khu vực phát triển chế biến lâm sản, vật liệu xây dựng và khai thác tiềm năng du lịch sinh thái rừng.

3. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các khu chức năng, các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chung các đô thị thuộc huyện; là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật huyện.

4. Tiềm năng và động lực phát triển

a) Tiềm năng: có mạng lưới hệ thống giao thông thuận lợi; có các tuyến sông chính là sông Bung, sông Cái, sông Thanh và sông, suối cung cấp nguồn nước, thủy điện, thủy lợi,... có nhiều tài nguyên văn hóa - lịch sử, cùng với cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn của Vườn Quốc Gia Sông Thanh, khí hậu trong lành góp phần hình thành tuyến du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái phía Tây của tỉnh; có diện tích rừng và đất lâm nghiệp chiếm hơn 85% đất tự nhiên để phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản.

a) Động lực

- Nằm trong hành lang dọc quốc lộ 14B và quốc lộ 14E nối lên quốc lộ 14D đến Cửa khẩu quốc tế Nam Giang gắn với mối quan hệ phát triển kinh tế giữa Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang – Đắc Tà Ooc với thành phố Đà Nẵng và Cụm động lực Điện Bàn - Hội An – Đại Lộc thông qua tuyến Quốc lộ 14B, 14D và Hồ Chí Minh.

- Là trục giao lưu với vùng kinh tế Tây Nguyên và Nam Lào - Bắc Campuchia. Giao thông liên kết thuận lợi: hạ tầng giao thông có Đường Hồ Chí Minh, Trường Sơn Đông, quốc lộ (QL) 14B và 14D.

- Khu kinh tế Cửa khẩu Nam Giang: có vị trí chiến lược quan trọng, với cửa khẩu quốc tế, nằm trên hành lang kinh tế Đông Tây; cùng với các tuyến đường huyết mạch Đường Hồ Chí Minh, quốc lộ (QL) 14B và 14D thuận lợi cho việc kết nối trao đổi kinh tế - văn hóa giữa các nước, liên kết liên vùng, nội vùng, thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch.

- Khởi đầu của chuỗi cửa khẩu - công nghiệp QL 14D, QL 14B - Cảng Liên Chiểu Đà Nẵng và Khu kinh tế mở Chu Lai.

5. Các chỉ tiêu phát triển vùng

a) Dân số: đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 33.900 người (dân số thường trú khoảng 29.000 người); trong đó dân số đô thị khoảng 10.450 người (dân số thường trú khoảng 8.750 người).

b) Đô thị hóa: tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 khoảng 30,2%.

c) Nhu cầu sử dụng đất: về quy mô đất đô thị đến năm 2030 khoảng 20.727,99 ha.

d) Dự báo cơ cấu giá trị các ngành kinh tế đến năm 2030: nông - lâm nghiệp 14%; công nghiệp - xây dựng 47%; thương mại - dịch vụ 39%.

e) Về bảo vệ môi trường, rủi ro biến động, thảm họa thiên nhiên: cần xác định và cảnh báo các vị trí, khu vực có nguy cơ cao về sạt lở đất vùng đồi núi, sườn dốc các tuyến giao thông; sạt lở bờ sông,...bảo vệ môi trường, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường.

g) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính: được áp dụng theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển: chia thành 02 Vùng phát triển

* Vùng Đông gồm: thị trấn Thạnh Mỹ, các xã Cà Dy, Tà Bhing, Tà Pơr.

- Diện tích: 74.324 ha, chiếm 40,25% diện tích toàn huyện.

- Trung tâm vùng: thị trấn Thạnh Mỹ.

- Định hướng phát triển: là vùng động lực tăng trưởng chính của huyện; kết nối với khu vực Nam Quảng Nam, phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, và văn hóa Cơ Tu.

- Tính chất: là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của huyện Nam Giang.

- Định hướng chính:

+ Nông lâm nghiệp: phát triển chiến lược kinh tế rừng, rừng gỗ lớn, được liệu dưới tán rừng, kinh tế trang trại, gia trại, trồng cao su, chăn nuôi; quản lý bảo vệ môi trường rừng.

+ Công nghiệp: phát triển 02 cụm công nghiệp thôn Hoa và Cà Đăng.

+ Thương mại, dịch vụ: xây dựng chợ Thạnh Mỹ, trung tâm thương mại tại thị trấn Thạnh Mỹ, trung tâm logistics.

+ Du lịch văn hóa cộng đồng kết hợp với di tích lịch sử và khai thác lợi thế Vườn quốc gia Sông Thanh.

** Vùng Tây gồm các xã: Chợ Chun, La Êê, Zuôih, Đắc Tôi, Đắc Pre, Đắc Pring, và khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang với 2 xã La Dêê và Chà Vâl.

- Diện tích: 110.336 ha, chiếm 59,75% diện tích toàn huyện.

- Trung tâm vùng: khu kinh tế Cửa khẩu Nam Giang.

- Định hướng phát triển: phát triển vùng kinh tế Cửa khẩu Nam Giang - Đắc Tà Oọc và vùng lâm nghiệp.

- Tính chất: thương mại dịch vụ và công nghiệp gắn với Cửa khẩu quốc tế và nông lâm nghiệp.

- Định hướng chính:

+ Khu chức năng: khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

+ Thương mại, dịch vụ và công nghiệp: xây dựng chợ biên giới, trung tâm logistics tại khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

+ Phát triển du lịch vườn quốc gia Sông Thanh, lòng hồ thủy điện.

+ Nông lâm nghiệp với loại hình trồng cao su, rừng cây gỗ lớn, trồng dược liệu dưới tán rừng,...

b) Định hướng phát triển các không gian

* Khu vực phát triển đô thị

- Đến năm 2030, huyện Nam Giang có 01 đô thị là thị trấn Thạnh Mỹ; loại đô thị: loại V; diện tích khoảng 20.727,99 ha.

- Tính chất: là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của huyện Nam Giang.

- Định hướng phát triển không gian đô thị theo hình thái tập trung bao gồm: trung tâm thương mại dịch vụ, công nghiệp (Khu chức năng thương mại dịch vụ, khu chức năng sử dụng hỗn hợp, khu chức năng công nghiệp), trung tâm giáo dục, trung tâm văn hóa và thể dục thể thao; hạ tầng kỹ thuật đô thị; và trung tâm chính trị hành chính huyện.

** Khu vực nông thôn

- Huyện Nam Giang có 11 đơn vị hành chính cấp xã tại khu vực nông thôn.

- Về định hướng phát triển các trung tâm cụm xã và trung tâm xã:

+ Trung tâm cụm xã: huyện Nam Giang chia làm 02 phân vùng phát triển, vùng Đông có trung tâm là thị trấn Thạnh Mỹ vì vậy vùng Đông không phát triển trung tâm cụm xã, vùng Tây có Khu kinh tế Cửa khẩu Nam Giang - Đắc Tà Oọc đóng vai trò là trung tâm của vùng phát triển nông thôn phía Tây với Chà Vài vừa là trung tâm của khu kinh tế Cửa khẩu Nam Giang vừa là trung tâm cụm xã của tiểu vùng phía Tây.

+ Trung tâm xã: phát triển khu trung tâm các xã theo hướng là Trung tâm hành chính xã, trung tâm giáo dục, trung tâm cây xanh, TDTT, chợ xã, các cửa hàng dịch vụ bán lẻ, trung tâm phục vụ sản xuất.

*** Khu chức năng

- Khu kinh tế: khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang là khu kinh tế trọng điểm của tỉnh Quảng Nam.

+ Tính chất: là khu kinh tế logistics, cửa ngõ quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung kết nối với vùng Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan thông qua tuyến đường bộ hành lang quốc tế Đông - Tây. Xây dựng cảng cạn gắn với hệ thống cảng biển Quảng Nam, Đà Nẵng, Dung Quất; đẩy mạnh các hoạt động kho

bãi, phân loại, đóng gói, trung chuyển,...

+ Quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang tuân thủ theo Quyết định số 1201/QĐ – TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Diện tích: khoảng 34.160 ha (tăng khoảng 3.100 ha).

- Cụm công nghiệp:

Căn cứ điểm c khoản 3 Mục IV Điều 1 Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, về phương án phát triển các khu chức năng đối với huyện Nam Giang có định hướng các cụm công nghiệp gồm: CCN thôn Hoa với quy mô diện tích khoảng 37,2 ha tại thị trấn Thạnh Mỹ; cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ Cà Đăng với quy mô diện tích khoảng 30 ha tại xã Tà Bhing.

- Thủy điện:

Trên địa bàn huyện có 07 thủy điện, bao gồm: thủy điện Sông Bung 6; thủy điện Sông Bung 4A; thủy điện Sông Bung 5; thủy điện Sông Bung 4; thủy điện Sông Bung 2; thủy điện Đắc Pring; thủy điện Sông Bung 3A.

**** Định hướng các khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp: (1) Vùng sản xuất nông lâm nghiệp làng thanh niên lập nghiệp (thị trấn Thạnh Mỹ); (2) Trồng cây dược liệu Tà Bhing; (3) Dự án đầu tư trồng cây dược liệu và công nghệ cao; (4) Trồng cây dược liệu dưới tán rừng; (5) Dự án trồng cây gỗ lớn; (6) Dự án trồng cây ăn quả; (7) Vườn ươm cây giống Cà Dy; (8) Trang trại chăn nuôi bò thịt kết hợp trồng cây ăn quả, cây dược liệu ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao, thôn Vinh, xã Tà Pơ; (9) Khu chăn nuôi tập trung nhỏ và vừa tại các xã, thị trấn.

- Khu vực di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh:

+ Du lịch di tích lịch sử: Tượng đài lịch sử Trường Sơn, Khu di tích lịch sử Bến Giằng, Nhà bia tưởng niệm xã La Dê.

+ Du lịch sinh thái: khai thác lợi thế vườn quốc gia Sông Thanh theo Đề Án Du Lịch Sinh Thái, Nghi Dưỡng, Giải Trí Vườn Quốc Gia Sông Thanh; Khu du lịch sinh thái thác Grăng; Du lịch suối Tiên làng Rô xã Cà Dy; Khu du lịch sinh thái Khe Rọm; Khu du lịch sinh thái sông Chà Cóp; du lịch lòng hồ thủy điện,...

+ Du lịch văn hóa cộng đồng: tuyến du lịch cửa khẩu Nam Giang; du lịch cộng đồng Tà Bhing, làng dệt thổ cẩm Cơ Tu Zơ Ra; du lịch dựa vào cộng đồng tại tổ dân phố Đồng Râm (trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, cảnh quan, văn hóa và sản xuất nông nghiệp).

***** Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm

- Trung tâm hành chính huyện Nam Giang tại thị trấn Thạnh Mỹ, là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của huyện.

- Thương mại – dịch vụ: chợ Thạnh Mỹ, xây dựng chợ biên giới tại khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, trung tâm thương mại thị trấn Thạnh Mỹ, trung tâm thương mại Chà Vål, trung tâm logistics khu vực Thạnh Mỹ và tại khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

- Văn hóa, thể dục thể thao: đầu tư hoàn thiện trung tâm văn hóa - thể thao và truyền thanh - truyền hình và khu liên hợp thể thao huyện Nam Giang tại thị trấn Thạnh Mỹ.

- Giáo dục, đào tạo: nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất các trường THPT, Trường PTDTNT THCS Nam Giang; đầu tư xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện.

- Y tế: Đầu tư nâng cấp Trung tâm y tế huyện.

***** Khu vực an ninh quốc phòng: bố trí quỹ đất an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định hiện hành và các quy hoạch về đất an ninh, quốc phòng có liên quan.

***** Định hướng các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên

- Vườn quốc gia thiên nhiên sông Thanh.

- Khu bảo tồn sinh cảnh voi.

- Khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: Bến Giằng (Di tích thành phần thuộc di tích quốc gia đặc biệt đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh)

- Các khu vực bảo vệ cảnh quan và nông nghiệp và khu vực thoát lũ của các sông suối lớn.

- Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Bảo vệ nghiêm ngặt khu vực rừng tự nhiên.

7. Định hướng hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

* San nền

- Giữ nguyên các công trình đang hiện có, các lớp nhà khu dân cư dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh. Các khu vực xây dựng mới tạo cao độ nền hài hòa với cao độ hiện trạng, không gây ảnh hưởng đến khu vực hiện trạng. Giữ nguyên vị trí các đồi núi cao trông keo với độ cao >132m chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình.

- Khu vực nền dân cư hiện trạng cũ, khu vực có mật độ xây dựng đông đúc

giữ nguyên hiện trạng. Khi nâng cấp cải tạo, nâng cốt nền phải có giải pháp đảm bảo thoát nước tốt, không ảnh hưởng đến thoát nước chung của khu vực.

- Các khu đất được san nền mới nếu áp dụng giải pháp tôn nền, cao độ nền phải cao hơn mực nước lũ lớn nhất (max) hàng năm tối thiểu là 0,3m;

- Khu vực ven sông, suối: Các khu vực ven sông, suối có đặc điểm địa hình thấp, trũng, độ dốc lớn, biên độ lũ lên xuống cao khi xây dựng nền cần có biện pháp gia cố xử lý nền móng, đóng cọc, tường chắn... để đảm bảo công trình ổn định.

** Về hệ thống thoát nước

- Đối với khu vực nông thôn, căn cứ quy hoạch tiêu thoát nước của các Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã đầu tư xây dựng hệ thống mương tiêu, nạo vét các mương suối hiện trạng để nâng cao khả năng thoát nước; kiên cố hóa các ao hồ vừa là nơi chứa nước tưới tiêu thủy lợi, vừa có tác dụng điều hòa lượng nước mưa.

- Đối với khu vực đô thị, xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh cho khu vực đô thị, phù hợp với tiêu chuẩn thoát nước đô thị, trong đó có hệ thống thu gom xử lý nước thải riêng để đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; Hệ thống thoát nước đô thị phải đảm bảo chức năng thoát nước hoàn toàn cho đô thị, nhanh chóng, kịp thời, không gây ngập úng cục bộ, kết hợp các giải pháp khác như nạo vét ao hồ, kênh mương.

- Đối với các khu vực ngoài dân cư xây dựng hệ thống mương hở (hoặc kín) dọc 2 bên đường để thu nước mưa; kiên cố hóa các mương tiêu để tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thoát nước của khu vực.

*** Phòng chống thiên tai, thảm họa:

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai, xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông. Bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động lưu lượng lũ về các hồ chứa thủy điện, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc ra quyết định điều tiết lũ. Chủ động phòng tránh bão lũ theo các cấp độ rủi ro thiên tai, nhất là tại khu vực ven sông, suối, vùng có khả năng cao về lũ ống, lũ quét. Sắp xếp dân cư khu vực miền núi; xây dựng các đường tránh bão, lũ cho nhân dân tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của bão, lũ.

- Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

**** Chuẩn bị kỹ thuật khác

- Khởi thông các dòng chảy tự nhiên để thoát lũ nhanh vào mùa mưa lũ;
- Đầu tư xây dựng bờ kè hoặc trồng cây cho các đoạn sông suối chảy qua khu đô thị, dân cư dọc để tạo cảnh quan và chống sạt lở tại các vị trí xung yếu của dòng sông.
- Tạo các hành lang thoát nước có chiều rộng tối thiểu theo quy định tại Luật Tài nguyên nước dọc theo các khe suối để tiêu thoát nước lũ, không xây dựng công trình gây cản trở dòng chảy khu vực hành lang thoát nước.
- Bố trí hồ điều hòa tạo cảnh quan đẹp và điều tiết nước mưa;
- Cần áp dụng đồng bộ các giải pháp công trình với các giải pháp phi công trình để giảm thiểu thiên tai: phát triển và bảo vệ rừng đầu nguồn.

b) Giao thông

* Giao thông đối ngoại

- Đường Hồ Chí Minh: theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III-IV, quy mô 2-4 làn xe hướng tuyến đi theo đường hiện tại.

Đoạn qua khu trung tâm đô thị Thạnh Mỹ tuân thủ theo quy hoạch chung đô thị Thạnh Mỹ được duyệt.

- Quốc lộ 14B: theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, thì QL14B được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III-IV, quy mô 2-4 làn xe.

- Quốc lộ 14D: toàn tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam với tổng chiều dài 75 km, nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi; kết nối với QL 14B là tuyến đường kết nối Đông - Tây chính của khu vực Bắc Quảng Nam, đây cũng là tuyến đường 7B trong mạng đường ASEAN từ cảng Tiên Sa (Đà Nẵng) nối vào quốc lộ 13 của Lào, là trục đường phục vụ vận chuyển hàng hóa qua cảnh vùng Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan qua cảng Đà Nẵng, đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng. Đoạn từ Tiên Sa đến Đắc Ốc với chiều dài 161km.

- Đường Trường Sơn Đông: là tuyến giao thông đối ngoại theo hướng Bắc - Nam, kết nối tỉnh Quảng Nam với các tỉnh Tây Nguyên, tuyến vừa có chức năng an ninh quốc phòng, vừa có chức năng thúc đẩy phát triển KT-XH của vùng trung du Quảng Nam. Đoạn qua huyện Nam Giang dài khoảng 10,7km. Quy hoạch nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III-IV, quy mô 2-4 làn xe.

- Đường tuần tra biên giới và đường nối từ hành lang biên giới:

Huyện Nam Giang có đường biên giới với nước bạn Lào 90,364 km.

Đường tuần tra biên giới: tuyến đường có chức năng an ninh quốc phòng, đồng thời kết nối các xã dọc biên giới Việt - Lào, thực hiện theo quy hoạch chung của Bộ Quốc Phòng, tuyến chạy dọc theo biên giới của Việt Nam, chiều dài tuyến qua tỉnh Quảng Nam là 145 km; đoạn qua huyện Nam Giang dài khoảng 72 km.

Hoàn thành nâng cấp, xây dựng các tuyến đường nhánh nối từ đường vành đai biên giới đến các đồn biên phòng và các chốt trọng điểm, khu dân cư. Xây dựng toàn bộ các đường xương cá ra các cột mốc biên giới và xây dựng thêm các đường từ đồn biên phòng ra biên giới.

- ĐT 606B: xây dựng tuyến đường nối cửa khẩu quốc tế Nam Giang với cửa khẩu phụ Tây Giang đi qua địa bàn 02 huyện Nam Giang và Tây Giang, điểm đầu nối vào QL 14D, điểm cuối nối vào ĐT 606, phục vụ an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào biên giới 02 huyện Nam Giang và Tây Giang, quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp V, cấp VI.

- Quy hoạch bến xe Nam Giang đạt loại III, bến xe Chà Vål đạt loại IV giai đoạn 2025 – 2030; quy hoạch bến đường thủy nội địa sông Vu Gia từ Ngã 3 Quảng Huế đến cầu Bến Giằng đạt sông cấp VI.

** Giao thông đối nội

- Đường huyện: quy hoạch điều chỉnh, bổ sung lại hệ thống đường huyện để Cải tạo nâng cấp các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, V miền núi, những tuyến khó khăn và hệ số phục vụ thấp có thể đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A công trình vĩnh cửu, mặt đường kiên cố, đặc biệt tuyến nối Trung tâm hành chính huyện với các khu vực khác trong tỉnh phải đảm bảo thông suốt, an toàn.

- Đường nội thị: nâng cấp các tuyến đường nội thị đạt tiêu chuẩn đường đô thị. Phù hợp với quy hoạch chung đô thị Thạnh Mỹ được duyệt.

- Đường vùng nguyên liệu: đến năm 2030 đầu tư các tuyến đường vào vùng nguyên liệu vùng trồng cây ăn quả và các tuyến phục vụ du lịch tại địa phương.

c) Cấp nước

- Cấp nước sinh hoạt: nâng cấp mở rộng nhà máy nước Thạnh Mỹ lên công suất 5.000m³/ngày đêm, cấp nước cho đô thị Thạnh Mỹ và các vùng phụ cận. Đầu tư xây dựng nhà máy nước Chà Vål công suất 2.000m³/ngày đêm, nguồn nước thô từ Sông Bung cung cấp cho xã Chà Vål và các xã lân cận.

- Cấp nước chữa cháy: nguồn nước chữa cháy được lấy từ các trụ chữa cháy của hệ thống cấp nước khu vực đô thị, kết hợp với nguồn nước mặt từ ao hồ, suối chảy qua địa bàn huyện. Trụ nước chữa cháy lắp đặt tại khu dân cư, khu đô thị phải đảm bảo Khoảng cách giữa các trụ không vượt quá 150m và yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD của Bộ Xây dựng.

- Cấp nước sản xuất: đầu tư bê tông hóa các kênh mương đến những những khu vực cần thiết để đảm bảo lượng nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình hiện trạng để ổn định diện tích tưới.

d) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

* Thoát nước thải

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt toàn huyện đến năm 2030 khoảng 3.349m³/ngày đêm.

- *Đối với các khu đô thị:*

+Đô thị Thạnh Mỹ xây dựng 02 trạm xử lý nước thải tổng công suất 1.600 m³/ngày đêm (dự kiến diện tích khoảng 0,4 ha).

+Tại khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tổng công suất 900 m³/ngày đêm (dự kiến diện tích khoảng 0,2ha).

- *Đối với nước thải sinh hoạt các khu dân cư nông thôn:*

+ Các khu vực dân cư nông thôn địa hình chia cắt mạnh, chọn hệ thống thu gom và xử lý nước thải phân tán, thiết kế các trạm xử lý nhỏ tại từng cụm dân cư hoặc khu vực.

+ Khu dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức thu gom để xử lý làm sạch trước khi xả ra môi trường (sông, suối hoặc lưu giữ để tưới cây).

+ Khu dân cư tập trung hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung sẽ dần dần đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng thành hệ thống thoát nước riêng để thu gom, vận chuyển nước thải về trạm xử lý nước thải để làm sạch trước khi xả ra môi trường (sông, suối hoặc lưu giữ để tưới cây).

- *Nước thải y tế:* xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở y tế để xử lý và nước thải y tế và khử trùng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực và xả ra môi trường.

- *Nước thải chăn nuôi tập trung:* xây dựng bể biogas để xử lý chất thải và ao sinh học tại từng khu chăn nuôi tập trung để xử lý nước thải phân gia súc.

- *Nước thải công nghiệp:* xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (nước thải riêng, nước mưa riêng), mỗi cụm công nghiệp xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- *Nước thải du lịch:* từng khu du lịch xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt quy định trước khi xả ra môi trường.

** Quy hoạch xử lý rác thải

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt khu vực trung tâm huyện: phân loại tại nguồn, bố trí các thùng rác trên các tuyến đường, xe chuyên dùng thu gom và vận chuyển đến khu xử lý theo định kỳ. Đối với chất thải rắn sinh hoạt nông thôn: thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy trình quy định về môi trường.

- Đối với chất thải rắn hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi: tận dụng ủ làm phân vi sinh để tái sử dụng, phần còn lại có thể đốt để lấy tro bón ruộng. Đối với các bao bì, chai lọ đựng hóa chất bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: thu gom, xử lý

theo quy trình quản lý chất thải nguy hại.

- Đối với chất thải rắn y tế: phân loại tại nguồn. Đối với chất thải nguy hại được quản lý xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp: loại thông thường được thu gom, xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt tại các khu xử lý chất thải tập trung. Chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom vận chuyển đến khu xử lý rác thải công nghiệp. Mỗi nhà máy thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải rắn đồng ruộng nguy hại được thu gom, xử lý riêng như Chất thải rắn công nghiệp.

- Quy hoạch 02 khu xử lý chất thải rắn: (1) khu xử lý chất thải rắn thôn Hoa, thị trấn Thạnh Mỹ với quy mô diện tích khoảng 1,6 ha cho vùng Đông. (2) khu xử lý chất thải rắn Chà Vài cho vùng Tây.

- Quy hoạch 02 bãi thải tại thị trấn Thạnh Mỹ và xã Chà Vài để phục vụ đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện, quy mô mỗi bãi thải từ 25 – 30 ha. Bố trí 02 bãi thải gần khu xử lý chất thải rắn thôn Hoa, thị trấn Thạnh Mỹ và khu xử lý chất thải rắn Chà Vài.

*** Nghĩa trang nhân dân

- Việc quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân phải phù hợp với các yếu tố địa hình, điều kiện đất đai và một yếu tố quan trọng là phong tục tập quán và văn hóa tâm linh của người dân trong vùng. Đối với các xã, nghĩa trang nhân dân của xã được thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng xã và phải đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Hạn chế đầu tư phân tán, tập trung đầu tư các nghĩa trang cấp huyện, cấp vùng theo Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 08/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, sắp xếp và quản lý nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Tại thị trấn Thạnh Mỹ: sử dụng nghĩa trang nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ quy mô khoảng 9,70 ha tại tổ dân phố Hoa, thị trấn Thạnh Mỹ.

- Tại khu vực nông thôn: đầu tư chỉnh trang các nghĩa trang hiện hữu theo định hướng mỗi xã xây dựng 01 nghĩa trang nhân dân.

- Nghĩa trang nhân dân của từng xã được thực hiện theo quy hoạch chung xã, phụ thuộc vào điều kiện thực tế của địa phương đó, đồng thời đảm bảo vệ sinh môi trường tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định có liên quan.

- Việc quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân phải phù hợp với các yếu tố địa hình, điều kiện đất đai và một yếu tố quan trọng là phong tục tập quán và văn hóa tâm linh của người dân trong vùng.

- Tiến hành khoanh vùng và đóng cửa các khu nghĩa trang nhân dân phân tán, gần khu dân cư trong khu vực nhằm đảm bảo môi trường.

e) Cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện: tổng nhu cầu cấp điện toàn huyện đến năm 2030 đạt khoảng 12,75MVA. Nguồn điện trong khu vực được cấp điện từ nguồn lưới Quốc gia, từ trạm biến áp trung gian 220kV Thạnh Mỹ, quy mô công suất đến năm 2030: 2x250MVA, cấp điện áp 220/110/22kV và thủy điện Sông Bung 3 dự kiến đến năm 2030 công suất 25MW

- Lưới điện: các đường dây 500kV, 220kV, 110kV giữ nguyên hiện trạng; lưới 35kV chuyển sang lưới 22kV (sau khi Trạm biến áp 110kV trên địa bàn đi vào hoạt động); lưới 22kV; 0,4kV: hệ thống lưới điện tại các khu vực phát triển mới tại nội thị khuyến khích ngầm hóa. Các khu vực hiện hữu sẽ xây dựng kế hoạch, lộ trình, nguồn lực để từng bước ngầm hóa toàn đô thị.

- Trạm biến áp: xây dựng các trạm biến áp tại các vị trí còn thiếu; các trạm biến áp xây mới phải phù hợp với lưới điện của khu vực.

g) Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông

- Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại; có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn huyện. Thực hiện từng bước việc ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

- Đối với khu vực cần phải di dời hạ tầng mạng cáp viễn thông khi thực hiện quy hoạch: phải xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông (ngầm hoặc treo) để bố trí cáp viễn thông phát triển theo quy hoạch.

8. Các vấn đề có liên quan biện pháp bảo vệ môi trường

- Biện pháp kiểm soát ô nhiễm nguồn nước: xây dựng hệ thống thu gom nước thải tại các đô thị và cụm công nghiệp; xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho khu đô thị và trạm xử lý nước thải tập trung của các cụm công nghiệp; xây dựng trạm xử lý nước thải khu du lịch, dịch vụ.

- Biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí:

+ Việc xây dựng, cải tạo và phát triển đô thị dẫn đến việc nhà cửa và các cơ sở hạ tầng bị gỡ bỏ, đào bới, vận chuyển nguyên vật liệu và đổ bỏ rác thải. Đây là các nguồn gây ô nhiễm bụi trầm trọng, là nguyên nhân chính làm suy giảm chất lượng không khí các khu đô thị. Vì thế, giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí đô thị là xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng đô thị hợp lý và đồng bộ kết hợp với áp dụng các biện pháp giảm phát thải bụi, thu gom rác thải và vệ sinh đường phố, cải tạo hệ thống giao thông vận tải thông suốt, an toàn và thuận lợi.

+ Bố trí các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch môi trường, di dời các cơ sở công nghiệp nằm trong các vùng nhạy cảm (gần khu dân cư, trường học, bệnh viện...). Xung quanh cụm công nghiệp cần có vành đai cây xanh để giảm cách với khu dân cư hoặc khu đô thị.

- Giảm thiểu tác động đến môi trường đất: hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng các hóa chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp; cải tạo, vệ sinh đồng ruộng sau khi thu hoạch; chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được

thu gom phân loại và chuyên đến vị trí đổ thải theo quy định, không vớt bừa bãi tại các khu vực đất trống; chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn y tế cần được thu gom và xử lý tại nguồn thải trước khi đưa về bãi xử lý chất thải rắn chung của khu vực.

- Biện pháp quản lý chất thải rắn: thực hiện việc phân loại chất thải rắn tại nguồn; quy hoạch hệ thống thu gom chất thải rắn trong toàn vùng; xây dựng khu xử lý chất thải rắn.

- Giải pháp phòng tránh sạt lở đất, lũ quét:

+ Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, phòng chống thiên tai cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

+ Tổ chức cắm biển cảnh báo tại những khu vực bị sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở khu vực ven sông, suối.

+ Tổ chức di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi khu vực bờ sông bị sạt lở; bố trí tái định cư theo các hình thức tái định cư xen ghép hoặc xây dựng khu tái định cư tập trung phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực.

+ Xây dựng các công trình khắc phục sự cố sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng ven sông như kè chống sạt lở kè chống sạt lở bờ Đông sông Cái cụm Pà Dương, thôn Hà Ra, thị trấn Thạnh Mỹ; kè chống sạt lở suối Cha Coop khu TTHC xã Đắc Pre; kè chống sạt lở suối La Êê khu dân cư Pà Oai và TTHC xã La Êê,

+ Quy hoạch sử dụng đất hạn chế phát triển trong vùng nguy cơ sạt lở, lũ quét cao. Đối với các khu dân cư đã phát triển thiếu quy hoạch trước đây, cần có quy hoạch lại và tái định cư đưa dân ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất cao.

+ Lập bản đồ phân vùng nguy cơ sạt lở, lũ quét: từ kết quả nghiên cứu về nguyên nhân, cơ chế hình thành, của sạt lở, lũ quét và khảo sát thực tế, cho phép lập được bản đồ phân vùng nguy cơ sạt lở, lũ quét (nguy cơ cao; nguy cơ trung bình và vùng ít có khả năng xảy ra sạt lở, lũ quét). Bản đồ này là một trong những căn cứ quan trọng để đề ra các biện pháp phòng tránh sạt lở, lũ quét.

+ Điều tra, đánh giá và xây dựng hệ thống cảnh báo tại những khu vực sạt lở và có nguy cơ xảy ra sạt lở cao như các xã Cà Dy, Đắc Pring, La Êê, Chơ Chun.

- Chương trình quan trắc môi trường: quan trắc môi trường nhằm bảo đảm cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về môi trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư

Tập trung đầu tư xây dựng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi và hoàn thiện khớp nối hệ thống hạ tầng khung; đầu tư xây dựng một số công trình dự án; công trình an sinh xã hội theo đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030.

b) Nguồn vốn thực hiện: nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang, giai đoạn đến năm 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Nam Giang chịu trách nhiệm

- Công bố công khai hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang giai đoạn đến năm 2030 theo đúng quy định hiện hành, đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương, các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt theo quy định tại Điều 48, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 28, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Điều 28 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, bản vẽ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ đồ án quy hoạch (quy mô diện tích, ranh giới hành chính huyện, thị trấn, các xã, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hiện trạng đất lâm nghiệp, đất lúa, môi trường,...) bảo đảm tuân thủ theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo đầy đủ thông tin, nội dung hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND huyện Nam Giang quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Giang được duyệt theo quy định.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh và các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, phối hợp với UBND huyện Nam Giang trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Y

tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nam Giang và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Dũng